

UY QUYỀN TRUYỀN THỐNG: VỊ THẾ CỦA GIÀ LÀNG TRONG QUẢN LÝ XÃ HỘI NGƯỜI MNÔNG Ở HAI TỈNH ĐẮK NÔNG VÀ BÌNH PHƯỚC HIỆN NAY

HUỠNH NGỌC THU

1. Đặt vấn đề

Uy quyền là quyền lực của một người hoặc một nhóm người đối với cộng đồng và được cộng đồng đó chấp nhận tuân theo. Quyền lực có được là do sự sắp đặt của một thể chế chính trị, một tổ chức tôn giáo hoặc do luật tục của cộng đồng đặt ra (Lachs, 1999). Uy quyền luôn được thực hiện liên tục và phổ biến trong xã hội nhằm giữ vai trò nền tảng của trật tự xã hội. Uy quyền không chỉ thể hiện trong chính trị mà còn thể hiện trong tất cả các tổ chức, các hiệp hội, hội đoàn... (Cline, 1999). Vì vậy, Max Weber cho rằng, khái niệm uy quyền không chỉ bao hàm quyền lực mang tính hợp pháp bởi sự đặt để của thể chế chính trị mà còn thể hiện ở các hình thức khác hoặc các luận cứ khác ngoài chính trị (Blau, 1963). Ông cũng đưa ra ba loại uy quyền cơ bản trong xã hội là *uy quyền truyền thống* (Traditional authority), *uy quyền pháp lý hợp lý* (Rational-legal authority) và *uy quyền thiên phú* (Charismatic authority) (Weber, 1958). Trong đó: i) *Uy quyền truyền thống* được xác định thông qua sức mạnh truyền thống và được hợp thức hóa bởi luật tục. Uy quyền của người cai trị được thành lập dựa trên “pháp luật bất thành văn” và nó gần như mang yếu tố thiêng liêng của cộng đồng; ii) *Uy quyền pháp lý hợp lý* được

xác định mang tính hợp pháp và được quy định trong hiến pháp hành văn của pháp luật. Uy quyền này được xem là thẩm quyền pháp lý đại diện cho bộ máy cai trị và mang yếu tố của sự tổ chức hợp lý trong cộng đồng xã hội; và iii) *Uy quyền thiên phú* xác lập dựa trên quyền lực được hợp pháp hóa bởi những phẩm chất mang tính phi thường (extraordinary) hoặc thậm chí là sức mạnh siêu nhiên (supernatural powers). Những người có uy quyền này là những người có khả năng “đặc biệt” mang tính huyền diệu, sự mặc khải, hoặc có sức mạnh ở một địa vị siêu nhiên được mặc định bởi giá trị cộng đồng. Họ có khả năng lôi cuốn và thu hút cộng đồng... và được cộng đồng chấp nhận, tôn vinh.

Trong quản lý cộng đồng ở người Mnông tại hai tỉnh Đắk Nông và Bình Phước hiện nay có sự tồn tại của ba loại uy quyền vừa nêu, mà chúng tôi tạm gán chúng cho ba nhân vật quan trọng trong quản lý cộng đồng ở cấp bon (làng). Đó là: 1) *Già làng* - người được xem là đang nắm giữ *uy quyền truyền thống*, có khả năng chi phối cộng đồng dưới góc độ luật tục. Khi cộng đồng Mnông chưa theo Công giáo hoặc Tin Lành, nắm giữ luật tục truyền thống của cộng đồng Mnông là nắm giữ loại uy quyền duy nhất trong việc

kiểm soát cộng đồng. Già làng chính là người nắm uy quyền này; và là người có vai trò quan trọng, trực tiếp điều hành cộng đồng bằng luật tục; 2) *Trưởng bon/thôn* là người đại diện cho *uy quyền pháp lý hợp lý*, có khả năng chi phối cộng đồng theo tính hợp pháp của pháp luật. Sau năm 1975, cơ cấu hành chính được thành lập từ Trung ương đến địa phương. Ở cấp địa phương, Trưởng bon/thôn có vai trò tương đối quan trọng, là người làm việc trực tiếp với dân, sâu sát tình hình của dân, nên họ luôn có mặt trong các sự kiện của bon/thôn nhằm khuyến khích vận động người dân sống và làm việc theo đúng đường lối, chính sách của Nhà nước; và 3) *Cha xứ/mục sư* là người nắm giữ *uy quyền thiên phú*. Ông là người có học vấn “uyên thâm”, có khả năng nói chuyện thu hút cộng đồng và điều đặc biệt là có giá trị “thần quyền” do gắn liền với giá trị tôn giáo. Ông có khả năng chi phối cộng đồng theo giáo luật của tôn giáo. Công giáo và Tin Lành được truyền vào cộng đồng Mnông ở tỉnh Đắk Nông khoảng cuối thập niên 60 và ở tỉnh Bình Phước từ cuối thập niên 80 đến đầu thập niên 90 của thế kỷ XX. Hiện nay, đa phần người Mnông ở hai tỉnh này đều theo một trong hai tôn giáo này. Có những bon/thôn, gần như toàn bộ người Mnông theo một trong hai tôn giáo, trở nên cộng đồng tôn giáo “toàn tông”, như thôn Đắk Liên, xã Đắk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Để tạo nên sự “hài hòa” trong việc kiểm soát, quản lý cộng đồng Mnông hiện nay, ba nhân vật đại diện cho ba loại uy quyền nêu trên sẽ phải phân chia về mặt vị thế. Có loại uy quyền sẽ *vượt trội*, có loại *trung dung* và có loại phải *nhượng bộ*, tùy

theo từng sự việc trong quản lý cộng đồng xã hội. Trong đó, một uy quyền được xem là *nhượng bộ* cũng đồng nghĩa với việc người nắm giữ uy quyền đó sẽ có vị trí khiêm tốn hơn trong kiểm soát và quản lý cộng đồng. Người nắm giữ uy quyền *trung dung* là người thường không trực tiếp tham gia kiểm soát các sự kiện trong cộng đồng, nhưng có những tác động để khẳng định vai trò “không rút lui” khỏi sự kiện đang diễn ra trong cộng đồng. Uy quyền được xem *thắng thế* là uy quyền giữ vai trò kiểm soát trực tiếp đối với cộng đồng, chi phối cộng đồng bởi quyền lực của mình đang có với tất cả sự kiện diễn ra và được cộng đồng chấp nhận tuân theo.

Để tìm hiểu vị trí của các loại uy quyền này trong việc kiểm soát cộng đồng Mnông ở hai tỉnh Đắk Nông và Bình Phước hiện nay, chúng tôi sử dụng nguồn tư liệu điền dã do tập thể giảng viên và sinh viên ngành Nhân học các khóa 2009 - 2013, 2010 - 2014 và 2012 - 2016 tại hai tỉnh nêu trên nhằm phục vụ cho hai đề tài “*Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ trong tiến trình phát triển xã hội tộc người*” và “*Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số tại chỗ ở Đắk Nông trong tiến trình phát triển xã hội tộc người*” do GS. TS. Ngô Văn Lệ làm chủ nhiệm. Địa bàn khảo sát cụ thể ở hai tỉnh này là huyện Quảng Trục (tỉnh Đắk Nông) và huyện Bù Đăng (tỉnh Bình Phước) - hai khu vực có đông người Mnông sinh sống hiện nay.

Người Mnông ở tỉnh Đắk Nông được xem là cộng đồng cư dân tại chỗ bởi họ có nguồn gốc lịch sử cư trú lâu đời tại khu vực này. Vào khoảng những năm 60 của thế kỷ XX, một bộ phận người Mnông ở tỉnh

Đắk Nông di cư xuống Bình Phước, khai phá đất đai, lập làng cư trú. Tuy nhiên, mối liên hệ về hoạt động kinh tế và quan hệ dòng họ, hôn nhân giữa người Mnông ở hai tỉnh Đắk Nông và Bình Phước vẫn được duy trì cho đến hiện nay.

Theo thống kê năm 2009, người Mnông ở Đắk Nông là 39.964 người và Bình Phước là 8.599 người. Họ sống chủ yếu nhờ vào nông nghiệp, trồng lúa rẫy (làm ruộng nhưng rất ít) và một số loại nông sản khác như khoai, sắn. Chăn nuôi chỉ là nguồn thu phụ, phục vụ cho lễ nghi và sinh hoạt cộng đồng. Tổ chức gia đình theo chế độ mẫu hệ, nhưng vai trò của người đàn ông cũng được khẳng định bởi uy quyền được “gắn cho” từ bên ngoài xã hội, như việc giáo dục các thành viên trong gia đình, góp tiếng nói trong việc phân chia tài sản, cưới gả con cái... Hiện nay, đa phần người Mnông ở hai tỉnh Đắk Nông và Bình Phước theo Công giáo hoặc Tin Lành, nên văn hóa truyền thống của họ cũng chịu sự chi phối rất nhiều bởi yếu tố tôn giáo, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến đời sống tinh thần và thế giới siêu nhiên. Điều này dẫn đến việc hình thành nên một loại uy quyền mới chi phối cộng đồng, bên cạnh các loại uy quyền khác đã được cộng đồng chấp nhận từ trước đó. Chính vì vậy, trong cộng đồng dần dần xuất hiện sự “sắp xếp lại vị thế” của các loại uy quyền trong việc kiểm soát xã hội và địa vị của người nắm giữ uy quyền đó trong xã hội người Mnông.

Bài viết này đề cập đến vị thế của già làng, người nắm giữ uy quyền truyền thống của cộng đồng, trong việc quản lý xã hội. Bên cạnh đó, vị thế của già làng cũng được

xem xét trong mối quan hệ với vị thế của những người nắm giữ uy quyền khác trong xã hội Mnông hiện nay.

2. Vị thế của già làng trong quản lý xã hội truyền thống

Trong quản lý xã hội truyền thống của người Mnông, già làng được đề cao trong cộng đồng. Ông là người được cộng đồng tôn trọng vì nắm rõ luật tục của cộng đồng, nắm rõ nguồn gốc của các dòng họ trong bon/làng và là người có uy tín nhất. Ông chính là người nắm giữ uy quyền truyền thống để điều hành cộng đồng. Những điều ông nói, cộng đồng phải tuân theo.

Già làng là người giải quyết mọi tranh chấp của người dân trong bon/làng. Ông là người quyết định việc xin đất, việc cúng lễ ma chay... Tuy ông là người có uy tín nhất trong bon/làng, nhưng ông không phải là người giàu nhất. Kết quả phỏng vấn người Mnông ở tỉnh Đắk Nông năm 2014 cho thấy, cuộc sống của già làng trong xã hội truyền thống cũng giống như những gia đình khác, nhưng vì ông là người được cộng đồng tôn trọng, nên khi gia đình già làng thiếu gạo, cộng đồng sẽ cho gạo; thiếu thịt sẽ được cho thịt. Già làng chỉ quản lý con người trong cộng đồng và luôn bình đẳng với mọi người trong bon/làng. Khi chia phần bất cứ thứ gì, già làng cũng như những người khác, không được chia phần hơn. Nhiệm vụ quan trọng của già làng là bảo vệ người dân trong bon/làng. Già làng sẽ có những lời khuyên, lời răn đe để con cháu trong bon/làng hiểu điều hay lẽ phải. Trong các lễ hội, già làng là người chứng giám, chỉ bảo. Khi có xung đột hay mâu thuẫn, già làng sẽ là người trực tiếp khuyên ngăn, hoặc xử phạt theo nguyên tắc của luật tục.

Do đó, trong xã hội truyền thống, uy quyền của già làng rất lớn. Để được trở thành già làng, người đó phải là người được cộng đồng xem trọng; phải thân thiện với mọi người trong bon/làng, không sống xa cách, đặc biệt là hiểu biết về phong tục tập quán của tộc người, biết về cách xử trí mọi hoàn cảnh, biết cách ứng xử... Người hội đủ các yếu tố trên sẽ được người dân bầu làm già làng cho đến khi mất. Lúc này, vị thế của già làng được xem là cao nhất trong cộng đồng.

3. Vị thế của già làng trong xã hội đương đại

Khi thể chế chính trị của Nhà nước được thiết lập tới cộng đồng của các tộc người thiểu số nói chung và người Mnông nói riêng, xuất hiện thêm loại uy quyền mới. Đó là *uy quyền pháp lý hợp lý*. Người nắm giữ uy quyền này là người đại diện cho thể chế chính trị nhà nước, được Nhà nước đặt để trong cộng đồng. Đặc biệt, sau thống nhất đất nước, uy quyền pháp lý này được thiết lập chặt chẽ. Người đại diện giữ uy quyền này là Trưởng bon/thôn, giữ vai trò là người “đại diện cho Nhà nước”, thực thi điều luật của Nhà nước với cộng đồng. Từ đó, vai trò của Trưởng bon/thôn được đề cao hơn.

Tuy nhiên, những việc làm mà Trưởng bon/thôn thực hiện ở cộng đồng Mnông tại tỉnh Đắk Nông cũng như tại tỉnh Bình Phước luôn có sự giúp sức của già làng, đặc biệt là trong giữ vững an ninh trật tự của cộng đồng và công tác tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, như chính sách định canh định cư, kế hoạch hóa gia đình... Sở dĩ cần sự giúp sức của già làng, vì Trưởng bon/thôn thường là những người trẻ

tuổi, chưa đủ sức thuyết phục những người lớn tuổi trong cộng đồng nên cần sự hỗ trợ của già làng mới thực thi được *uy quyền pháp lý hợp lý* của họ.

Sự kết hợp giữa già làng và Trưởng bon/thôn là sự kết hợp có hiệu quả ở một số sự kiện, như thực hiện nếp sống văn minh bằng cách rút ngắn thời gian tổ chức tang ma, hiếu hỷ; giảm bớt việc cúng thần linh và phạt tội những gia đình bị xem là đem đến điều xui xẻo trong cộng đồng; thực hiện công tác hành chính hóa trong việc quản lý cộng đồng như làm giấy khai sinh, giấy kết hôn, làm hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân...; đặc biệt là khuyến khích người bệnh đến trạm xá để khám, chữa trị bệnh... Lúc này, vị thế và quyền lực của già làng đã bị phân chia, nhưng vẫn giữ được vai trò trọng tâm trong kiểm soát cộng đồng; vẫn có quyền uy nhất định khi “đứng bên cạnh” quyền uy của Nhà nước. Cộng đồng Mnông vẫn tôn trọng uy quyền truyền thống này và nghe theo già làng. Chính vì thế, việc kiểm soát cộng đồng xã hội ở người Mnông nói riêng và các tộc người thiểu số nói chung vẫn còn giữ vai trò của già làng bên cạnh vai trò của Trưởng bon/thôn. Do đó, tại tất cả các bon/làng của người Mnông, luôn có sự tồn tại song song của vai trò già làng và Trưởng bon/thôn.

Ở xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông có 11 bon của người Mnông, cũng đồng nghĩa với việc có 11 già làng. Mỗi già làng có vai trò riêng trong bon của mình. Tuy nhiên, theo sự chỉ đạo của lãnh đạo xã, 11 già làng này hợp lại với nhau hình thành Hội đồng già làng, trong có một người kinh nghiệm nhất được bầu là người

đứng đầu, gọi là già làng xã. Già làng xã này có nhiệm vụ tư vấn cho các già làng còn lại để giải quyết vấn đề trong bon. Hội đồng già làng này có trách nhiệm tư vấn cho chính quyền xã về các vấn đề liên quan đến đời sống văn hóa của cộng đồng Mnông và cũng trực tiếp cùng với người của chính quyền tham gia giải quyết các vấn đề tranh chấp trong cộng đồng.

Như vậy, lúc này, vai trò và vị thế của già làng trong cộng đồng đã bị phân chia bởi quyền lực của hệ thống chính trị Nhà nước. Tuy nhiên, uy quyền truyền thống vẫn được cộng đồng xem trọng bên cạnh uy quyền pháp lý hợp lý.

Ở những bon/làng của người Mnông không theo tôn giáo như Công giáo hoặc Tin Lành, hay có theo nhưng số lượng không nhiều, vai trò và vị thế của già Làng vẫn luôn được đề cao trong cộng đồng, bên cạnh sự xuất hiện của Trưởng bon/thôn. Nhưng, nếu đa phần người Mnông trong bon/thôn theo Công giáo hoặc Tin Lành, vị thế của già làng sẽ giảm đi rất nhiều. Như trường hợp của người Mnông ở thôn Đắc Liên, xã Đắc Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Đây được xem là thôn “toàn tông” của Công giáo vì có đến trên 90% người Mnông trong thôn theo Công giáo.

Trong quá trình tìm hiểu, chúng tôi biết được, khi Công giáo trở thành tôn giáo chính của cộng đồng Mnông ở thôn Đắc Liên, *uy quyền thiên phú* mà người nắm giữ uy quyền này là cha xứ dần được khẳng định. Lúc này, cha xứ thực thi nguyên tắc tôn giáo đối với cộng đồng, thực chất là đối với tín đồ Công giáo, bằng cách từng bước

giảm bớt yếu tố “đa thần” đang ngự trị trong cộng đồng Mnông ở Đắc Liên để dần đưa họ đến với Chúa Trời. Những việc làm mà cha xứ thực hiện, khi cộng đồng Mnông ở Đắc Liên trở thành cộng đồng Thiên Chúa toàn tông, là kết hợp với già làng, Trưởng thôn (lúc này họ đã trở thành tín đồ Thiên Chúa) và những người lớn tuổi có uy tín trong cộng đồng bàn thảo về những nguyên tắc sống của cộng đồng. Trong đó, chú trọng đến việc tuyên truyền giảm thiểu yếu tố “đa thần”, nhấn mạnh “sự hiện diện” của Chúa Trời trong cuộc sống của cộng đồng; cộng đồng sống vì Chúa Trời, phụng sự cho Chúa Trời. Ngoài ra, còn bàn đến việc cắt giảm những yêu cầu trong thách cưới, chia tài sản cho người chết, đi lễ hàng tuần tại nhà thờ, và đặc biệt là phòng tránh thai. Những điều được bàn thảo như trên, sau khi đã thống nhất, trở thành “văn bản hành chính”, được cha xứ công bố cho toàn giáo dân trước nhà thờ, và bắt buộc các tín đồ, cụ thể là những người Mnông theo đạo phải tuân theo.

Chính điều này cho thấy, vai trò của cha xứ với *uy quyền thiên phú* của mình đã chi phối khá nhiều trong việc kiểm soát đời sống của cộng đồng Mnông theo đạo. Người Mnông ở Đắc Liên có thể suốt tuần (từ thứ hai đến thứ bảy) làm việc trên rẫy, nhưng họ phải về nhà vào tối thứ bảy để đi lễ vào chủ nhật. Mệnh lệnh của cha xứ được xem là “tối thượng”. Nhóm nghiên cứu của chúng tôi có dịp tham dự lễ trọng của đạo vào sáng chủ nhật (ngày 27/5/2012)¹ tại giáo xứ Đắc Nhau. Trong buổi lễ, cha xứ tuyên bố, *vì là ngày lễ trọng, nên cấm toàn thể tín đồ làm việc trong ngày này, kể cả những người*

¹ Đây là dịp lễ dâng hoa nhằm tôn kính Đức mẹ Maria.

buôn bán. Thực hiện đúng theo lời tuyên bố của cha xứ, toàn thể giáo dân ở xã Đắc Nhau trong ngày hôm ấy đều đóng cửa. Ngoài ra, các lễ cúng truyền thống đã bị bãi bỏ, những kiêng kỵ liên quan đến ma, quỷ không còn nữa. Việc phân chia tài sản cho người chết và thách cưới đã trở thành hình thức tượng trưng của cộng đồng.

Vai trò của già làng bị mờ nhạt ở những cộng đồng có đông người theo Công giáo hoặc Tin Lành. Nguyên nhân là do các luật tục trước đây của cộng đồng gần như bị xóa bỏ, thay vào đó là hệ thống pháp luật của Nhà nước và các tập tục cũng không còn vị trí của nó trong xã hội, và thay vào đó là những nguyên tắc, giáo điều, giáo luật của tôn giáo. Hơn nữa, nhiều già làng hiện nay không biết chữ, không rành về các kỹ thuật canh tác, không rõ về pháp luật nên không thể đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng về mặt kinh tế - xã hội. Hiện nay, ý kiến của già làng chỉ là cố gắng giữ lại phong tục truyền thống của cộng đồng, nhưng trong đó có những tập tục gây ra sự “lãng phí” và tạo ra gánh nặng về kinh tế cho người dân, nên đa phần giới trẻ Mnông không tuân theo. Chính vì thế, vai trò của già làng bị sụt giảm, *uy quyền truyền thống* gần như không còn “chỗ đứng” trong việc kiểm soát cộng đồng Mnông ở thôn Đắc Liên hiện nay, mà thay vào đó là *uy quyền thiên phú* và *uy quyền pháp lý hợp lý*.

Như vậy, ở những cộng đồng có đông người dân theo Công giáo hoặc Tin Lành, vai trò của già làng với *uy quyền truyền thống* của mình trở nên mờ nhạt hơn so với những cộng đồng ít người theo tôn giáo “mới”. Thực trạng này cho thấy rằng, vị thế của già làng với *uy quyền thiên phú* trong

việc kiểm soát cộng đồng đã có nhiều thay đổi trong xã hội đương đại. Vị thế độc tôn của già làng trong xã hội truyền thống đã không còn nữa trong xã hội hiện nay, và có những nơi vị thế này cũng chỉ còn lại như một “biểu tượng truyền thống” của cộng đồng tộc người, và yếu tố thực quyền gần như bị mất hẳn như trường hợp của cộng đồng Mnông ở thôn Đắc Liên.

4. Kết luận

Ở cộng đồng các tộc người thiểu số nói chung và người Mnông ở hai tỉnh Đắc Nông và Bình Phước nói riêng luôn có sự chuyển đổi mạnh mẽ trong tổ chức xã hội và quản lý xã hội cộng đồng. Trong xã hội truyền thống, khi các tộc người còn cư trú riêng lẻ thành từng bon/buôn/làng..., chưa có sự can thiệp của thể chế chính trị và cuộc sống dựa vào thiên nhiên, tự cung, tự cấp..., vai trò quản lý xã hội được đặt “trên vai” của già làng. Ông sử dụng luật tục của cộng đồng để quản lý và điều hành xã hội, được cộng đồng xã hội chấp nhận tuân theo. Do đó, vị thế của già làng trong giai đoạn này được xem là quan trọng nhất. Nhưng khi xã hội thay đổi, thể chế chính trị của Nhà nước được thiết lập ở các cộng đồng, việc kiểm soát xã hội dần được thực thi bởi một loại *uy quyền* mới, *uy quyền pháp lý hợp lý*, được đặt để bởi thể chế chính trị đó. Người đại diện cho việc thực thi loại *uy quyền* này là người của Nhà nước. Họ được giao chức vụ Trưởng bon/làng để thi hành chính sách Nhà nước với cộng đồng. Tuy nhiên, để có thể thực hiện được điều này, Trưởng bon/thôn phải kết hợp với già làng cùng thực hiện, vì già làng là người am hiểu văn hóa tộc người và là người được cộng đồng tin tưởng. Do đó, vai trò của già làng mặc dù bị phân chia,

nhưng vẫn có một vị thế nhất định trong cộng đồng bên cạnh vị thế của Trưởng bon/thôn. Tuy nhiên, khi cộng đồng tộc người theo Công giáo hoặc Tinh Lành, sự chi phối của các tôn giáo này đến cộng đồng rất lớn. Bắt đầu từ việc thay đổi luật tục, thay đổi hành xử văn hóa... đã tác động đến vị trí và vai trò của già làng. Đặc biệt, ở những cộng đồng theo tôn giáo đồng, vai trò của già làng bị giảm mạnh do sự chi phối của người lãnh đạo tôn giáo.

Nhìn chung, vị thế của già làng hiện nay trong việc quản lý xã hội cộng đồng tộc người không còn mạnh. Có những nơi, vị trí này chỉ còn là biểu tượng truyền thống của cộng đồng; giá trị thực quyền gần như không có.

Tài liệu tham khảo

1. Blau, P. M. (1963), "Critical remarks on Weber's theory of authority", *The American Political Science Review*, 57 (2), Pp. 305-316.
2. Cline, A. (2012), *What is Authority? Differentiating Authority, Power, and Legitimacy*, trên trang www.about.com, truy cập ngày 10/2/2013.
3. Lachs, S. (1999), "Means of Authorization: Establishing Hierarchy in Ch'an/Zen Buddhism in America", Revised paper from presentation at the 1999 (Boston) Meeting of the American Academy of Religion Used with permission, trên trang http://www.thezensite.com/ZenEssays/CriticalZen/Means_of_Authorization.htm, truy cập ngày 20/2/2013.
4. Tư liệu điền dã của đề tài "*Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số ở Đông Nam Bộ trong tiến trình phát triển xã hội tộc người*" do tập thể giảng viên và sinh viên Nhân học khóa 2009 - 2013 điều tra tại thôn Đắc Liên, xã Đắc Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước vào tháng 5/2012.
5. Tư liệu điền dã của đề tài "*Tri thức bản địa của các tộc người thiểu số tại chỗ ở Đắc Nông trong tiến trình phát triển xã hội tộc người*" do tập thể giảng viên và sinh viên Nhân học khóa 2011 - 2016 điều tra tại xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông vào tháng 12/2014.
6. Weber, M. (1958), "The three types of legitimate rule", *Berkeley Publications in Society and Institutions*, 4 (1), Pp. 1-11, Translated by Hans Gerth.